

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số 41/2018/HSST
Ngày 18/4/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các hội thẩm nhân dân: Trịnh Văn Thành, Trương Thanh Sơn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Cán bộ tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Viết Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 18/4/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2018/HSST ngày 08/3/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hồ Văn H**; Tên gọi khác: không; Sinh năm 1989; tại Bình Phước; HKTT và nơi cư trú: ấp Thuận An, xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: sửa xe; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Hồ Văn Lân, sinh năm: 1960 và bà Nguyễn Thị Mậu, sinh năm 1964; Tiền án: 03 - Ngày 27/11/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài xử phạt 15 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”; - Ngày 12/8/2015 bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 24 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”; - Ngày 07/01/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm tù về tội “trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 24 tháng tù tại bản án số 149/2015 ngày 12/8/2015 chấp hành hình phạt chung là 03 năm tù. Tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/12/2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Văn N**; Tên gọi khác: không; Sinh năm 1997; tại Thanh Hóa; HKTT và nơi cư trú: ấp Thuận An, xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Trần Xuân Đức, sinh năm: 1969 và bà Trịnh Thị Dung, sinh năm 1973; Tiền án: 01 - Ngày 19/01/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú tỉnh Bình Phước xử phạt 12 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”. Tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/12/2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970; Nơi cư trú: ấp 3, xã Tiến Hưng, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (Có đơn xin vắng)

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hồ Văn L, sinh năm 1960; Nơi cư trú: ấp Thuận An, xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (có)

2. Ông Phạm Tiến C, sinh năm 1979; Nơi cư trú: ấp Thuận An, xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (vắng)

3. Bà Trịnh Thị D, sinh năm 1973 Nơi cư trú: ấp Thuận An, xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 2000, Nơi cư trú: ấp 3, xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (vắng)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 14/12/2017, Hồ Văn H điều khiển xe mô tô biển số 93P1-725.34 (xe mô tô của ông Hồ Văn L, cha ruột H không biết H sử dụng vào việc phạm tội) chở Trần Văn Nh đến quán cà phê “Sa Pin” thuộc xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước uống nước. Đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày do không có tiền tiêu xài nên N rủ H đi tìm nhà dân sơ hở để lấy trộm xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài thì H đồng ý. H điều khiển xe mô tô trên chở N đi về nhà lấy áo khoác, nón bảo hiểm và đưa cho N một đoạn phá khóa hình chữ “L”. H điều khiển xe mô tô chở Nh đi đến khu vực thị xã Đồng Xoài, khi đi ngang qua tiệm tạp hóa “Khánh Hội” trên đường ĐT 741 thuộc ấp 3, xã Tiến Hưng, thị xã Đồng Xoài do anh Nguyễn Văn H làm chủ, cả hai phát hiện trong nhà của anh H có một xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 93P1-615.38 không có người trông coi. H chạy xe vòng lại dừng xe trước tiệm tạp hóa “Khánh Hội” và nói với N đưa đoạn phá khóa cho H để H trực tiếp vào lấy trộm xe mô tô còn N đứng ngoài cảnh giới. H đi vào bên trong thấy chị Nguyễn Thị Kiều D (con ruột của anh H) đang ngồi học bài nên hỏi mua một con dao cạo râu, chị D đi vào phía trong lấy đồ bán cho H. Lợi dụng chị D sơ hở, H dùng tay phải lấy đoạn phá khóa và bẻ ô khóa điện xe mô tô 93P1-615.38 thì lúc này chị D mang dao cạo râu đi ra nên H tiếp tục hỏi mua một gói thuốc lá. Chị D quay vào lấy thuốc lá thì H lén lút dắt xe mô tô 93P1-615.38 ra khỏi tiệm tạp hóa và điều khiển xe đi về hướng xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, N điều khiển xe mô tô theo sau. Trên đường đi H gọi điện thoại cho Phạm Tiến C hỏi có mua xe mô tô không thì C nói có và kêu H chạy xe vào nhà C để xem xe và trả tiền. Tại đây C hỏi H “xe này đi ăn cướp à, tại sao không có chìa khóa và giấy tờ” thì H trả lời “Không, xe này do tôi mới cầm được”. Sau khi xem xe xong, C đồng ý mua với giá 6.000.000đ (sáu triệu đồng) thì H gọi điện thoại cho N vào nhà C đón H, tại đây C đưa cho N số tiền 3.000.000Đ (ba triệu đồng) và nói số tiền còn lại C sẽ gửi sau và cất xe vào nhà. Sau khi bán được xe, H và C đi về nhà ngủ, trên đường đi, N vứt bỏ đoạn phá khóa chữ “L” vào bụi cây ven đường (các bút lục 93->110, 126->146, 169->181).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 125/KLĐG ngày 19/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Đồng Xoài, kết luận: 01 xe mô tô biển số 93P1-615.38, hiệu Honda Wave, màu sơn: bạc-trắng – đen, đã qua sử dụng có giá trị 8.500.000 Đ (tám triệu năm trăm ngàn đồng) (bút lục 82).

Đối với xe mô tô biển số 993P1-615.38 quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đồng Xoài đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn H để quản lý và sử dụng (bút lục: 89A, 203).

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn H không có yêu cầu gì thêm (bút lục 195, 196).

Tại bản cáo trạng số 29/CT – VKS – ĐX ngày 07/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài đã truy tố các bị cáo Hồ Văn H về tội: “Trộm cắp tài sản”

theo điểm c khoản 2 điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999; bị cáo Trần Văn N về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước giữ nguyên bản cáo trạng số 29/CT – VKS – ĐX ngày 07/3/2018 và đề nghị xử phạt bị cáo Hồ Văn H từ 03 đến 04 năm tù; Bị cáo Trần Văn N từ 18 đến 24 tháng tù.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, lời trình bày của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng số 06/CT-VKS-ĐX ngày 06/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước đã truy tố, cụ thể: Vào ngày 14/12/2017, do không có tiền tiêu xài bị cáo N rủ bị cáo H đi lấy trộm tài sản, H đồng ý và chở bị cáo N về nhà lấy công cụ là đoạn sắt hình chữ L dùng để phá khóa xe mô tô, sau đó hai bị cáo sử dụng xe mô tô có biển số 93P1 – 725.34 làm phương tiện, khi đi ngang qua nhà anh H thấy xe mô tô có biển số 93P1 – 615.38, được định giá thành tiền là 8.500.000đ đang dựng phía trước tiệm tạm hóa nên H vào giả vờ mua đồ để phá khóa xe rồi lấy trộm xe mang bán cho Nguyễn Tiến C với giá 06.000.000đ. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; phù hợp với bản kết luận định giá tài sản, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa về thời gian, địa điểm, phương thức thực hiện hành vi tội phạm. Do vậy, các bị cáo bị truy tố và xét xử về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, với lỗi cố ý trực tiếp các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của anh H và gây mất trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo sợ cho người dân. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều nhận thức được và biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và phải chịu trách nhiệm hình sự. Bản thân bị cáo H vào ngày 27/11/2013 đã bị Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; đến ngày 12/8/2015 lại bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cát xử phạt 24 tháng tù cũng về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 07/01/2016 tiếp tục bị Tòa án nhân dân thị huyện Đồng Phú xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và tổng hợp với hình phạt 02 năm tù tại bản án của Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, hình phạt chung bị cáo phải chấp hành cho cả hai bản án là 03 năm tù, ngày 11/11/2017 bị cáo mới chấp hành

xong hình phạt tù thì đến ngày 14/12/2017 bị cáo lại tiếp tục cùng với bị cáo N thực hiện hành vi chiếm đoạt xe mô tô trị giá 8.500.000đồng của anh H thể hiện bị cáo không ăn năn hối cải, khó giáo dục, xem thường pháp luật. Do bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm c khoản 2 điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 và cần xử bị cáo mức án tù thật nghiêm khắc để tiếp tục giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội. Đối với bị cáo N, bản thân bị cáo vào ngày 29/01/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đến ngày 01/9/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, trở về sinh sống tại địa phương bị cáo không những không cảnh tỉnh mà lại nghiện ma túy nên ngày 26/12/2016 bị cáo bị Ủy ban nhân dân xã Thuận Lợi ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, để có tiền mua ma túy ngày 14/12/2017 bị cáo đã rủ bị cáo H lấy trộm xe của anh H, do vậy, cần xử bị cáo mức án tù thật nghiêm theo khoản 1 điều 138 với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là điểm g khoản 1 điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 để răn đe, giáo dục bị cáo và cũng là để làm tốt công tác phòng ngừa tội phạm nói chung.

Tuy nhiên, xét các bị cáo đã thành khẩn khai báo; tài sản bị chiếm đoạt là chiếc xe mô tô trị giá 8.500.000đ đã được thu hồi trả lại cho anh H nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên HĐXX xem xét không áp dụng đối với các bị cáo.

{3} Đối với Phạm Tiến C là người mua xe của các bị cáo song không biết đó là xe do các bị cáo phạm tội mà có nên không đặt ra xử lý.

{4} Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Hữu H đã được nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về vật chứng vụ án:

Một nón bảo hiểm màu trắng, sọc đỏ, bên trái có dòng chữ Manchester United; Một áo khoác mỏng màu đen; một khẩu trang y tế màu xanh; một nón bảo hiểm màu trắng sọc đỏ ở giữa; một áo sơ mi trắng; một áo khoác dài tay hiệu Kipling và một quần jean màu đen không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Một thanh kim loại màu trắng, dạng tròn, hình chữ L; một thanh kim loại màu nâu đen, dài 06cm là công cụ phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

Một xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu đỏ đen, biển số 93P1 – 725.34 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe, là xe của ông Hồ Văn Lân, ông Lân không biết việc bị báo Hoàng sử dụng xe trên làm phương tiện phạm tội nên cần trả lại cho ông Lân.

Một điện thoại di động hiệu Samsung, màu đen thu giữ của bị cáo Hoàng. Một điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen 1280 thu giữ của bị cáo Nhật là phương tiện các bị cáo dùng để liên lạc với nhau trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước

Một điện thoại có chữ Iphone màu vàng-hồng là tài sản của bị cáo N không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo.

Số tiền 3.000.000đồng thu giữ từ bị cáo N là tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc bán xe cho C, tại phiên tòa C vắng mặt tuy nhiên tại các biên bản lấy lời khai C không có yêu cầu gì về số tiền trên nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[6] Án phí hình sự: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh:* Tuyên bố các bị cáo Hồ Văn H và Trần Văn N phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

2. *Về hình phạt:*

*Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; các điều 45, 33, 53; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo **Hồ Văn H 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 15/12/2017**

*Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điều 45, 33, 53; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo **Trần Văn N 02 (hai) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 15/12/2017**

3. *Về vật chứng:* Áp dụng điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999

Tuyên tịch thu tiêu hủy Một nón bảo hiểm màu trắng, sọc đỏ, bên trái có dòng chữ Manchester United; Một áo khoác mỏng màu đen; một khẩu trang y tế màu xanh; một nón bảo hiểm màu trắng sọc đỏ ở giữa; một áo sơ mi trắng; một áo khoác dài tay hiệu Kipling và một quần jean màu đen; Một thanh kim loại màu trắng, dạng tròn, hình chữ L; một thanh kim loại màu nâu đen, dài 06cm.

Trả lại cho ông Hồ Văn L: Một xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu đỏ đen, biển số 93P1 – 725.34 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe.

Trả lại cho bị cáo Trần Văn N 01 điện thoại có chữ Iphone màu vàng-hồng.

Tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước Một điện thoại di động hiệu Samsung, màu đen, một điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen 1280 và số tiền 3.000.000đồng (Ba triệu đồng)

4. *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm ngàn đồng*)

Các bị cáo, ông L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H và anh C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Đồng Xoài;
- Chi cục THADS thị xã Đồng Xoài;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA thị xã Đồng Xoài;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng; - Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

PHAN THỊ MỸ DUNG